

Số: 538/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 31 tháng 5 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân
kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2023 sang năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 19**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ
sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác
công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh
nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng
01 năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức
phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Số 123/NQ-HĐND
ngày 11 tháng 10 năm 2021 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách
nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa; số 346/NQ-HĐND ngày 11
tháng 12 năm 2022 về kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước tỉnh Thanh
Hóa năm 2023; số 366/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 về điều chỉnh kế
hoạch đầu tư công vốn ngân sách nước năm 2023 do tỉnh quản lý (đợt 1); số
395/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công
vốn ngân sách nhà nước năm 2023 do tỉnh quản lý (đợt 2); số 419/NQ-HĐND
ngày 03 tháng 8 năm 2023 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công vốn ngân
sách nhà nước năm 2023 do tỉnh quản lý (đợt 3); số 428/NQ-HĐND ngày 29
tháng 9 năm 2023 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước
năm 2023 do tỉnh quản lý (đợt 4); số 458/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2023
về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023 do tỉnh
quản lý (đợt 5);

Xét Tờ trình số 116/TTr-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân
kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2023 sang năm 2024; Báo cáo thẩm
tra số 384/BC-KTNS ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách
Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh
tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2023 sang năm 2024, với các nội dung sau:

1. Tổng số vốn ngân sách địa phương năm 2023 được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 của 43 dự án là 454.102,6 triệu đồng, bao gồm:

a) Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương do tỉnh quản lý của 36 dự án là 350.589,3 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh của 17 dự án là 324.981,1 triệu đồng.

- Vốn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước của 19 dự án là 25.608,2 triệu đồng.

b) Vốn tăng thu, tiết kiệm ngân sách cấp tỉnh của 07 dự án là 103.513,3 triệu đồng.

2. Thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2023 được kéo dài sang năm 2024: Đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024.

(Chi tiết có Phụ lục số I, II kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật, tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 31 tháng 5 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH**Đỗ Trọng Hưng**

Phụ lục I: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẾN HẾT NGÀY 31/01/2024 CHƯA GIẢI NGÂN HẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023 ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 538/NQ-HĐND ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Số TT	Mã dự án đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2023 đã giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn năm 2023 đến hết ngày 31/01/2024 chưa giải ngân	Số vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương do tỉnh quản lý năm 2023 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG:		1.274.004,0	922.508,2	351.495,8	350.589,3	Cho phép kéo dài thời gian bố trí vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương do tỉnh quản lý các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã hết thời gian bố trí vốn theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công năm 2019 nhưng chưa giải ngân hết kế hoạch vốn năm 2023 đã được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024
A	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG DO TỈNH QUẢN LÝ (A1+A2)		1.274.004,0	922.508,2	351.495,8	350.589,3	
A.1	VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT ĐIỀU TIẾT VẾ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH		1.142.599,0	816.711,4	325.887,6	324.981,1	
I	Bố trí vốn đối ứng cho các dự án ODA		238.277,0	187.388,1	50.888,9	50.888,9	
a	Dự án đã hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt		1.000,0	613,1	386,9	386,9	
1	Tăng cường hệ thống y tế tỉnh, huyện- tỉnh Thanh Hóa, sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức.	7342771	1.000,0	613,1	386,9	386,9	Sở Y tế
b	Dự án hoàn thành sau năm 2023		237.277,0	186.775,0	50.502,0	50.502,0	
1	Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tinh Gia, tỉnh Thanh Hóa, vay vốn WB	7629551	202.000,0	186.639,0	15.361,0	15.361,0	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp
2	Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa thuộc dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ, vay vốn AFD	7630175	35.277,0	136,0	35.141,0	35.141,0	UBND huyện Ngọc Lặc
II	Bố trí vốn cho nhiệm vụ quy hoạch		10.954,0	5.844,3	5.109,7	5.109,7	
1	Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	8048639	316,0	188,0	128,0	128,0	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN
2	Đề án Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040.	8054671	7.998,0	3.418,5	4.579,5	4.579,5	Sở Xây dựng
3	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp số 15, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	8049222	420,0	299,2	120,8	120,8	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN
4	Điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp số 4, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	8049223	420,0	300,1	119,9	119,9	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN
5	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.	8049224	800,0	769,1	30,9	30,9	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN
6	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp phía Tây thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.	8049225	1.000,0	869,4	130,6	130,6	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN



Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2023 đã giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn năm 2023 đến hết ngày 31/01/2024 chưa giải ngân	Số vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương do tỉnh quản lý năm 2023 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú
III	Bố trí vốn thực hiện dự án		893.368,0	623.479,0	269.889,0	268.982,5		
a	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2023		81.700,0	66.262,2	15.437,8	15.437,8		
1	Đường giao thông từ ngã ba Voi (thành phố Thanh Hóa) đi TP. Sầm Sơn.		81.700,0	66.262,2	15.437,8	15.437,8	Sở Giao thông vận tải	
-	Hạng mục do Sở Giao thông vận tải làm chủ đầu tư	7077915	24.948,0	9.510,2	15.437,8	15.437,8	Sở Giao thông vận tải	
-	Hạng mục do thành phố Sầm Sơn làm chủ đầu tư.	7910243	56.752,0	56.752,0			UBND thành phố Sầm Sơn	
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		633.001,0	487.861,8	145.139,2	144.232,7		
1	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích Lăng miếu Triệu Tường, xã Hà Long, huyện Hà Trung (GD 2).		34.500,0	33.488,3	1.011,7	1.011,7		
-	Các hạng mục do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch làm chủ đầu tư	7800510	6.500,0	5.488,3	1.011,7	1.011,7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
-	Các hạng mục do UBND huyện Hà Trung làm chủ đầu tư	7800706	28.000,0	28.000,0			UBND huyện Hà Trung	
2	Đường nối Quốc lộ 1 với Quốc lộ 45 đoạn từ xã Hoảng Xuân, huyện Hoảng Hóa đến xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa (Km5+250-Km14+603) - Tiểu dự án 1: Cầu vượt sông Mã và đường 2 đầu cầu từ Km5+250-Km7+250		200.000,0	199.222,0	778,0	778,0		
-	Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa	7928845	140.060,0	140.060,0			Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa	
-	Các hạng mục do UBND huyện Thiệu Hóa làm chủ đầu tư	7945213	59.940,0	59.162,0	778,0	778,0	UBND huyện Thiệu Hóa	
3	Đường Bến En đi trung tâm thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh.	7929157	92.000,0	62.362,0	29.638,0	29.638,0	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh	
4	Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoảng Hóa.		306.501,0	192.789,5	113.711,5	112.805,0	Sở Giao thông vận tải, UBND huyện Hoảng Hóa	
-	Sở Giao thông vận tải làm chủ đầu tư	7642218	296.535,0	185.330,0	111.205,0	111.205,0	Sở Giao thông vận tải	
-	UBND huyện Nga Sơn làm chủ đầu tư	7883641	2.230,0	2.230,0			UBND huyện Nga Sơn	
-	UBND huyện Hậu Lộc làm chủ đầu tư	7886096	1.010,0	1.010,0			UBND huyện Hậu Lộc	
-	UBND huyện Hoảng Hóa làm chủ đầu tư	7885255	6.726,0	4.219,5	2.506,5	1.600,0	UBND huyện Hoảng Hóa	
c	Dự án khởi công mới năm 2023		178.667,0	69.355,0	109.312,0	109.312,0		
1	Xây dựng kéo dài kênh thoát nước làm mát của Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn.	7928663	55.000,0	28.469,0	26.531,0	26.531,0	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp	
2	Tuyến đường trục cánh quan Thanh Hóa - Sầm Sơn, thành phố Sầm Sơn (đoạn từ Quốc lộ 10 đến đường 4C).	7929837	42.011,0	40.157,0	1.854,0	1.854,0	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Sầm Sơn	
3	Đầu tư nâng cấp mở rộng Đại lộ Lê Lợi, đoạn từ ngã tư Phú Sơn đến cầu Đồng, thành phố Thanh Hóa	7931069	81.656,0	729,0	80.927,0	80.927,0	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Thanh Hóa	
A.2	CHI XÂY DỰNG CƠ BẢN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC		131.405,0	105.796,8	25.608,2	25.608,2		
I	Bố trí vốn cho các dự án trụ sở làm việc Mặt trận tổ quốc, khối đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện và công sở xã		2.971,0	2.435,1	535,9	535,9		
a	Dự án đã hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt		1.971,0	1.798,1	172,9	172,9		
1	Công sở xã Thành Thọ.	7873903	871,0	729,1	141,9	141,9	UBND xã Thành Thọ	

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2023 đã giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn năm 2023 đến hết ngày 31/01/2024 chưa giải ngân	Số vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương do tỉnh quản lý năm 2023 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú
2	Công sở xã Thủy Sơn	7693743	1.100,0	1.069,0	31,0	31,0	UBND xã Thủy Sơn	
<i>b</i>	<i>Dự án dự kiến khởi công mới năm 2024</i>		<i>1.000,0</i>	<i>637,0</i>	<i>363,0</i>	<i>363,0</i>		
1	Trụ sở làm việc MTTQ và khối đoàn thể chính trị - xã hội huyện Như Thanh.	8041122	500,0	350,0	150,0	150,0	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh	
2	Đầu tư xây dựng Công sở xã Cẩm Yên, huyện Cẩm Thủy.	8053716	500,0	287,0	213,0	213,0	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Cẩm Thủy	
II	Bố trí vốn thực hiện dự án		128.434,0	103.361,7	25.072,3	25.072,3		
<i>a</i>	<i>Dự án đã hoàn thành có quyết toán được duyệt</i>		<i>124,0</i>	<i>84,0</i>	<i>40,0</i>	<i>40,0</i>		
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Thành Thái, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa	7294487	124,0	84,0	40,0	40,0	UBND thành phố Thanh Hóa	
<i>b</i>	<i>Dự án đã hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt</i>		<i>15.819,0</i>	<i>9.389,2</i>	<i>6.429,8</i>	<i>6.429,8</i>		
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nối Quốc lộ 45 với Tỉnh lộ 505, huyện Như Thanh.	7660153	9.019,0	4.800,0	4.219,0	4.219,0	UBND huyện Như Thanh	
2	Đường Thiệu Phú - Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa.	7470630	2.000,0	673,0	1.327,0	1.327,0	UBND huyện Thiệu Hóa	
3	Đường từ xã Xuân Phú, huyện Quan Hóa đi xã Trung Xuân, huyện Quan Sơn.	7552535	4.800,0	3.916,2	883,8	883,8	UBND huyện Quan Hóa	
<i>c</i>	<i>Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2023</i>		<i>34.382,0</i>	<i>27.707,3</i>	<i>6.674,7</i>	<i>6.674,7</i>		
1	Đường nối Khu di tích Lam Kinh với đường Hồ Chí Minh.	7583319	4.068,0	3.756,0	312,0	312,0	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
2	Trung tâm Truyền hình - Triển lãm - Hội chợ - Quảng cáo tỉnh Thanh Hoá.	7254189	7.083,0	4.680,3	2.402,7	2.402,7	Sở Xây dựng	
3	Đường nối Khu công nghiệp Tây Bắc Ga với đường vành đai phía Tây, TP. Thanh Hóa (Từ mốc A2 đến mốc A4).	7694167	9.231,0	8.014,0	1.217,0	1.217,0	UBND thành phố Thanh Hóa	
4	Nâng cấp, cải tạo đường Nguyễn Du, thành phố Sầm Sơn.	7580360	5.000,0	2.486,0	2.514,0	2.514,0	UBND thành phố Sầm Sơn	
5	Sắp xếp dân cư vùng ảnh hưởng thiên tai tại huyện Lang Chánh.	7848686	9.000,0	8.771,0	229,0	229,0	UBND huyện Lang Chánh	
<i>d</i>	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>		<i>73.009,0</i>	<i>64.181,0</i>	<i>8.828,0</i>	<i>8.828,0</i>		
1	Tuyến đường bộ ven biển (đoạn nối đường 513 với đường ven biển tỉnh Nghệ An) thuộc KKT Nghi Sơn.	7227679	6.362,0	2.012,5	4.349,5	4.349,5	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	
2	Nâng cấp tuyến đường từ xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc đi thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định.		25.000,0	21.735,5	3.264,5	3.264,5		
-	<i>Các hạng mục do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ngọc Lặc làm chủ đầu tư</i>	7928666	<i>20.000,0</i>	<i>19.912,0</i>	<i>88,0</i>	<i>88,0</i>	<i>Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ngọc Lặc</i>	
-	<i>Các hạng mục do UBND huyện Ngọc Lặc làm chủ đầu tư</i>		<i>5.000,0</i>	<i>1.823,5</i>	<i>3.176,5</i>	<i>3.176,5</i>	<i>UBND huyện Ngọc Lặc</i>	
3	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ thị trấn Yên Cát đi xã Tân Bình, huyện Như Xuân.		41.647,0	40.433,0	1.214,0	1.214,0		
-	<i>Các hạng mục do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Xuân làm chủ đầu tư</i>	7925215	<i>37.464,0</i>	<i>37.464,0</i>			<i>Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Xuân</i>	
-	<i>Các hạng mục do UBND huyện Như Xuân làm chủ đầu tư</i>	7995584	<i>4.183,0</i>	<i>2.969,0</i>	<i>1.214,0</i>	<i>1.214,0</i>	<i>UBND huyện Như Xuân</i>	
<i>e</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2023</i>		<i>4.600,0</i>	<i>2.000,2</i>	<i>2.599,8</i>	<i>2.599,8</i>		
1	Nạo vét, thanh thải dải đá ngầm luồng tàu, khu vực cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão tàu thuyền nghề cá Lạch Bạng, thị xã Nghi Sơn.	7929438	1.100,0	266,1	833,9	833,9	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	
2	Nhà máy nước sạch huyện Mường Lát.		3.500,0	1.734,1	1.765,9	1.765,9		



Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2023 đã giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn năm 2023 đến hết ngày 31/01/2024 chưa giải ngân	Số vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương do tỉnh quản lý năm 2023 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú
-	Các hạng mục do Ban Quản lý dự án đầu tư huyện Mường Lát làm chủ đầu tư	7928758	2.500,0	1.734,1	765,9	765,9	Ban Quản lý dự án đầu tư huyện Mường Lát	
-	Các hạng mục do UBND huyện Mường Lát	8042198	1.000,0		1.000,0	1.000,0	UBND huyện Mường Lát	
g	Dự án chuẩn bị đầu tư		500,0		500,0	500,0		
1	Bảo tồn, tu bổ, phục hồi, tôn tạo một số hạng mục công trình thuộc khu vực Thành nội Di sản văn hóa Thế giới Thành nhà Hồ, huyện Vĩnh Lộc (giai đoạn 1 thuộc Nhóm dự án số 3).	7928896	500,0		500,0	500,0	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	

* Ghi chú: Số liệu giải ngân và số vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 được làm tròn số học đến nghìn đồng.

Phụ lục II: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẾN HẾT NGÀY 31/01/2024 CHƯA GIẢI NGÂN HẾT KẾ HOẠCH VỐN TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2023 ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 538/NQ-HĐND ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2023 đã giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn năm 2023 đến hết ngày 31/01/2024 chưa giải ngân	Số vốn năm 2023 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú
	TỔNG SỐ		104.300,0	786,7	103.513,3	103.513,3		
I	DỰ ÁN ĐƯỢC ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH		104.300,0	786,7	103.513,3	103.513,3		
a	Dự án hoàn thành sau năm 2023		5.700,0	330,0	5.370,0	5.370,0		
1	Xây dựng cổng thông tin điện tử về du lịch và ứng dụng du lịch thông minh trên thiết bị di động tại tỉnh Thanh Hóa.	8057820	5.700,0	330,0	5.370,0	5.370,0	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	
b	Dự án khởi công mới năm 2023		98.600,0	456,7	98.143,3	98.143,3		
1	Ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý CSHT bưu chính, viễn thông và truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	8055593	1.500,0	77,8	1.422,2	1.422,2	Sở Thông tin và Truyền thông Thanh Hóa	
2	Mở rộng hệ thống giám sát phòng chống xâm nhập, lây nhiễm mã độc trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	8055594	20.000,0		20.000,0	20.000,0	Sở Thông tin và Truyền thông Thanh Hóa	
3	Xây dựng phần mềm thu thập thông tin và đánh giá bộ chỉ số chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa.	8055595	1.800,0	88,9	1.711,1	1.711,1	Sở Thông tin và Truyền thông Thanh Hóa	
4	Ứng dụng công nghệ thông tin vào cải cách hành chính, phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu của Nhân dân trên lĩnh vực an ninh, trật tự.	7004692	16.000,0		16.000,0	16.000,0	Công an tỉnh	
5	Mua sắm thiết bị triển khai thực hiện Đề án nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2020-2025.	8062771	53.000,0		53.000,0	53.000,0	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	
6	Hợp nhất, nâng cấp Công Dịch vụ công tỉnh với Hệ thống một cửa điện tử cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã để tạo lập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Thanh Hóa.	8056207	6.300,0	290,0	6.010,0	6.010,0	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	

* Ghi chú: Số liệu giải ngân và số vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 được làm tròn số học đến nghìn đồng.